

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2020

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (chi tiết tại các biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của tỉnh Đắk Nông 03 tháng đầu năm 2020, cụ thể như sau:

#### **I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 03 tháng đầu năm 2020 là 689.613 triệu đồng, đạt 28% dự toán Trung ương, 26% dự toán địa phương, giảm 6% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 654.219 triệu đồng, đạt 28% dự toán Trung ương, 26% dự toán địa phương, giảm 5% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Một số khoản thu vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, như: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do ĐP quản lý 14.127 triệu đồng, đạt 32% dự toán, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 15.311 triệu đồng, đạt 61% dự toán TW, 45% dự toán ĐP, giảm 54% so với cùng kỳ năm trước; thuế thu nhập cá nhân 43.036 triệu đồng, đạt 30% dự toán, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước; thuế bảo vệ môi trường 40.584 triệu đồng, đạt 28% dự toán TW, 27% dự toán ĐP, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước; thu phí và lệ phí 73.497 triệu đồng, đạt 42% dự toán TW, 40% dự toán ĐP, tăng 68% so với cùng kỳ năm trước; thu tiền sử dụng đất 128.316 triệu đồng, đạt 46% dự toán TW, 40% dự toán ĐP, tăng 80% so với cùng kỳ năm trước; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 35.000 triệu đồng, đạt 41% dự toán, tăng 81% so với cùng kỳ năm trước; thu khác ngân sách 27.497 triệu đồng, đạt 29% dự toán TW, 25% dự toán ĐP, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

- Một số khoản thu không đạt tiến độ theo dự toán giao như: Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý 102.604 triệu đồng, đạt 17% dự toán, giảm 56% so với cùng kỳ năm trước; tiền thuê đất, mặt nước 598 triệu đồng, đạt 3% dự toán



TW, 1% dự toán ĐP, giảm 98% so với cùng kỳ năm trước; lệ phí trước bạ 28.116 triệu đồng, đạt 24% dự toán, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu xuất nhập khẩu 26.769 triệu đồng, đạt 16% so với dự toán, giảm 38% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 8.626 triệu đồng, tăng 343% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

\* Nhìn chung, thu NSNN trên địa bàn 03 tháng đầu năm 2020 chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi dịch bệnh và hạn hán, trong điều kiện giá nông sản trên địa bàn tỉnh không có nhiều chuyển biến tích cực, nên hầu hết các khoản thu lớn trên địa bàn đều giảm so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các khoản thu xuất nhập khẩu, tuy nhiên xét về tổng thể vẫn đảm bảo tiến độ theo dự toán được giao.

## II. Chi ngân sách địa phương (NSĐP):

Tổng chi NSĐP thực hiện 03 tháng đầu năm 2020 (đã loại trừ các khoản chi từ nguồn năm trước chuyển sang) là 2.114.559 triệu đồng, đạt 29% dự toán, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước (Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN). Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 1.070.733 triệu đồng, đạt 52% dự toán, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi thường xuyên 1.042.826 triệu đồng, đạt 21% dự toán, tăng 13% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề 407.558 triệu đồng, đạt 21% dự toán, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước; Chi khoa học và công nghệ 4.189 triệu đồng, đạt 30% dự toán, giảm 7% so với cùng kỳ năm trước; Chi bảo vệ môi trường 5.914 triệu đồng, đạt 12% dự toán, giảm 29% so với cùng kỳ năm trước.

\* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2020 được đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tăng cao so với thực hiện cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các khoản chi thường xuyên, nhằm đảm bảo kịp thời kinh phí chi lương, chính sách chế độ cho các đối tượng chính sách trong dịp Tết Nguyên đán, các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong các tháng đầu năm như hạn hán, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và dịch Covid-19 trên người chưa được kiểm soát triệt để.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2020 của Tỉnh Đắk Nông. / *lu*

### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (TT). 3



Nguyễn Bón

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 190/BC-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	3	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>7.228.327</b>	<b>2.134.236</b>	<b>30</b>	<b>101</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP</b>	<b>2.335.198</b>	<b>610.860</b>	<b>26</b>	<b>93</b>
1	Thu nội địa	2.335.198	602.234	26	92
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	<b>-</b>	<b>8.626</b>		<b>443</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>-</b>	<b>333.439</b>		<b>237</b>
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>-</b>		
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>150</b>		<b>3</b>
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.893.129</b>	<b>1.181.161</b>	<b>24</b>	<b>90</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.253.700</b>	<b>2.114.559</b>	<b>29</b>	<b>123</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.073.057	1.070.733	52	135
2	Chi thường xuyên	4.946.208	1.042.826	21	113
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	1.000
5	Dự phòng ngân sách	112.353	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	120.182		-	
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>25.373</b>		<b>-</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>23.527</b>		<b>-</b>	



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 190BC-UBND ngày 15/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2020 TW giao	Dự toán 2020 ĐP giao	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.473.200</b>	<b>2.700.000</b>	<b>689.614</b>	<b>28</b>	<b>26</b>	<b>94</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.303.200</b>	<b>2.530.000</b>	<b>654.219</b>	<b>28</b>	<b>26</b>	<b>95</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	590.000	628.000	102.604	17	16	44
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	44.000	44.000	14.127	32	32	121
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	25.000	34.000	15.311	61	45	46
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	558.500	612.600	139.962	25	23	123
5	Thuế thu nhập cá nhân	145.000	145.000	43.036	30	30	106
6	Thuế bảo vệ môi trường	145.000	148.700	40.584	28	27	125
7	Lệ phí trước bạ	116.000	116.000	28.116	24	24	96
8	Các loại phí, lệ phí	175.000	181.800	73.497	42	40	168
9	Các khoản thu về nhà, đất	301.500	401.500	128.963	43	32	125
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	6			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200	43	22	22	110
-	Thu tiền sử dụng đất	280.000	320.000	128.316	46	40	180
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	21.300	81.300	598	3	1	2
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN	-	-	-			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000	85.200	35.000	41	41	181
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	200	200	-	-	-	-
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	23.000	23.000	5.522	24	24	160
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-	-			
14	Thu khác ngân sách	95.000	110.000	27.497	29	25	120
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>170.000</b>	<b>170.000</b>	<b>26.769</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>62</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	105.850	105.850	10.751	10	10	62
2	Thuế xuất khẩu	64.000	64.000	14.253	22	22	55
3	Thuế nhập khẩu	150	150	1.765	1.177	1.177	2.234
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>			<b>8.626</b>			<b>443</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>2.138.900</b>	<b>2.335.198</b>	<b>602.234</b>	<b>28</b>	<b>26</b>	<b>92</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	1.068.330	1.075.116	241.016	23	22	66
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.070.570	1.260.082	361.218	34	29	125

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 190 /BC-UBND ngày 15 /4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Thực hiện 03 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.253.700</b>	<b>2.114.559</b>	<b>29</b>	<b>123</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.073.057</b>	<b>1.070.733</b>	<b>52</b>	<b>135</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.073.057	1.067.733	52	134
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		3.000		
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.946.208</b>	<b>1.042.826</b>	<b>21</b>	<b>113</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.953.216	407.558	21	110
2	Chi khoa học và công nghệ	13.765	4.189	30	93
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		143.336		118
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		14.165		65
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		6.912		86
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		1.240		77
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	48.928	5.914	12	71
8	Chi sự nghiệp kinh tế		137.653		205
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		230.357		99
10	Chi bảo đảm xã hội		43.964		111
<b>III</b>	<b>Chi trả lãi các khoản vay</b>	<b>900</b>		<b>-</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>120.182</b>		<b>-</b>	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100</b>	
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>112.353</b>		<b>-</b>	